TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIÊT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số:69/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 12- 2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: ông Kiều Công Ích và bà Vương Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 199/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2022/QĐST- HNGĐ ngày 13/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện H, thành phố H

Bị đơn: Anh Hà Đức P, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu 02, xã C, huyện T, tỉnh P.

Nơi cư trú hiện nay: Thôn H, xã L, huyện H, H.

(Chị T có mặt; anh P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Tạ Thị T trình bày:

Chị T và anh Hà Đức P tự nguyện kết hôn với nhau ngày 24/3/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện H, thành phố H. Sau khi kết hôn, chị về gia đình anh P tại xã C, huyện T sinh sống một thời gian rồi chuyển về nhà chị ở. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn về sinh hoạt gia đình, anh P có bạo lực gia đình, thường xuyên rượu chè về chửi bới chị và gia

đình gia đình chị, đe dọa, xâm phạm tính mạng của chị. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Thanh C, sinh ngày 22/5/2016. Nếu ly hôn chị T xin được nuôi cháu C, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, ruộng đất nông nghiệp: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Hà Thanh P trình bày:

Anh P và chị T kết hôn với nhau năm 2015 như chị T trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày. Nay chị T xin ly hôn, anh P không nhất trí ly hôn, anh xin được đoàn tụ. Tại phiên hòa giải, anh P thừa nhận có chửi bới chị T và gia đình nhà chị do giữa anh và gia đình chị T có những mâu thuẫn trong giao tiếp gia đình. Anh cho rằng anh không đánh chị T, chỉ có một lần do mâu thuẫn cãi nhau, anh có tát chị T một cái.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày. Nếu ly hôn đặt ra, anh xin được nuôi con chung, không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình, đất nông nghiệp: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

Anh P (bị đơn) đã được triệu tập đến phiên tòa nhưng không đến Tòa án để tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho chị Tạ Thị T được ly hôn anh Hà Đức P.

+ Về con chung: giao cho chị Tạ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Thanh C, sinh ngày 22/5/2016. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Tạ Thị T và anh Hà Đức P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh P có hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện T, tỉnh P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh P vắng mặt lần thứ hai (không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt), HĐXX căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn (anh P) là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Tạ Thị T và anh Hà Đức P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, thành phố H ngày 24/3/2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T và anh P có những bất đồng quan điểm sống. Anh P đã có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập chị T. Ngày 12/12/2022 anh P đã có hành vi xâm phạm nghiêm trọng sức khỏe, tính mạng của chị T, hiện đã bị Công an huyện H, thành phố H có quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với anh P về hành vi "Giết người" mà chị Thanh là bị hại.

Có thể thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh P không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử cho chị T được ly hôn anh P là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung là cháu Hà Thanh C, sinh ngày 22/5/2016. Xét thấy, cháu C là con gái, đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh P đang bị tạm giữ để phục vụ điều tra, truy tố, xét xử trong vụ án hình sự

khác. Vì vậy, xét giao cháu C cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu.

* Về tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: chị T và anh P đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị T được ly hôn anh Hà Đức P.

[2]. Về con chung: Giao chị Tạ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Thanh C, sinh ngày 22/5/2016 kể từ ngày 30/12/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (thành niên), lao động tự túc được. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Tạ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003535 ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P. Chị Thanh đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Tạ Thị T có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh P vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Loan

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh PT
- VKSND huyện Thanh Ba;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- UBND xã La Phù.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- Lưu HS; VP.

Hà Thanh Loan